

Bản án số: 42/2024/DS-PT

Ngày: 20 - 8 - 2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Trung Thành

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Nghĩa và bà Từ Thị Hải Dương.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lưu Hoàng Giang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Sáng - Kiểm sát viên;

Ngày 20 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 19/2024/TLPT-DS ngày 22 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”, do Bản án số: 04/2024/DS-ST ngày 28/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 180/2024/QĐXX-PT ngày 27 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Phạm Xuân T, sinh năm 1950; địa chỉ: Thôn M, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Đăng H, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

**+ Đại diện theo uỷ quyền của bị đơn:** Ông Đặng Xuân S, sinh năm 1999. Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

**\* Người kháng cáo:** Ông Nguyễn Đăng H - Là bị đơn trong vụ án.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn khởi kiện, biên bản hoà giải và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Phạm Xuân T trình bày:**

Ông và anh Nguyễn Đăng H có mối quan hệ quen biết, làm ăn đã lâu; cho nên đầu năm 2021 anh H đến cửa hàng của ông mua một số vật liệu để làm công trình và hẹn sau 03 tháng sẽ thanh toán tiền. Vì tin tưởng nên ông đã đồng ý nhưng sau 03 tháng anh H vẫn không thanh toán tiền nợ vật liệu xây dựng cho ông. Vì vậy, sau khi các bên tiến hành đối chiếu công nợ và thỏa thuận thống nhất lập giấy mượn tiền vào ngày 01/5/2021, trong đó thể hiện nội dung ông H còn nợ

134.000.000 đồng tiền mua vật liệu xây dựng và hẹn đến ngày 30/10/2021 sẽ trả đủ số tiền cho ông, nhưng đến nay anh H chỉ mới trả được cho ông số tiền 40.000.000 vào ngày 30/6/2022. Ngoài ra, trong quá trình ông đòi nợ nhưng anh H không trả được theo thời gian đã cam kết, nên các bên còn thỏa thuận với nhau về tiền lãi chậm trả, nhưng ông không yêu cầu anh H phải trả số tiền này. Vì vậy, ông khởi kiện buộc anh H phải trả số tiền gốc mua hàng còn thiếu 94.000.000 đồng chưa trả.

*- Theo bản tự khai, biên bản hòa giải và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Nguyễn Đăng H trình bày:*

Trong khoảng thời gian từ ngày 15/4/2017 đến ngày 20/9/2017, ông là giám đốc Công ty cổ phần S1 nên đại diện cho Công ty M vật liệu xây dựng tại cửa hàng ông T với tổng số tiền 78.250.000 đồng để làm công trình giao thông ở tỉnh Quảng Trị. Trong giấy ông T có ghi số tiền nợ vật liệu và tính lãi hàng tháng 1%, có giá trị từ ngày 20/9/2017 cho đến ngày 01/10/2021 là thời gian 6 năm 7 tháng 10 ngày, ông T tính lãi cả gốc là 126.900.000 đồng và ông đã trả cho ông T 30.000.000 đồng vào ngày 04/02/2019. Từ ngày 30/10/2022 đến ngày 30/4/2023 ông T đã tính cả gốc và lãi là 135.780.000 đồng, nhưng trước đó ngày 30/6/2022 ông có trả cho ông T 02 lần số tiền là 70.000.000 đồng. Vì vậy, toàn bộ khoản nợ này đều thuộc nghĩa vụ của Công ty, cho nên ông đã gửi các thông tin của Công ty cho ông T nhưng ông T vẫn chưa viết hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty, đồng thời tại thời điểm lập giấy nhận nợ giữa các bên ông T cũng không viết giấy nợ bằng tên công ty. Việc còn nợ tiền ông T đã lâu chưa trả là do Công ty làm ăn thua lỗ nên chưa có nguồn tài chính để thanh toán cho ông T. Bản thân anh là giám đốc Công ty C có ký với ông T các giấy nợ mà không đóng dấu công ty, chứ không phải là khoản nợ riêng của cá nhân anh, cho nên đề nghị Tòa án xem xét những giấy nhận nợ mà anh đã ký. Mặt khác, trong thời gian chưa có nguồn tiền để trả nợ, ông T có đe dọa sẽ thuê xã hội đen để tạt axit và đánh ông, cho nên mỗi lần ông T đưa giấy nhận nợ ra thì anh sợ ảnh hưởng đến bản thân và người thân trong gia đình nên ông không do dự và buộc phải ký vào các giấy nhận nợ. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông T buộc anh phải trả số tiền 94.000.000 đồng thì anh không đồng ý vì trên thực tế anh chỉ là người đại diện cho Công ty M vật liệu xây dựng tại cửa hàng ông T và chỉ còn nợ lại 71.500.000 đồng, nhưng anh đã trả cho ông T 30.000.000 đồng vào ngày 04/02/2019; đến ngày 30/6/2022 trả tiếp số tiền 40.000.000 đồng nữa, cho nên hiện nay chỉ còn nợ lại số tiền 1.500.000 đồng.

*- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2024/DS-ST ngày 28/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình đã quyết định:*

*Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 430, 431, 432, 433, 434 440 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:*

*Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Xuân T. Buộc bị đơn ông Nguyễn Đăng H phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông Phạm Xuân T số tiền 94.000.000 đồng (chín mươi bốn triệu đồng).*

*Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên buộc nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định pháp luật.*

- Ngày 01/4/2024, bị đơn ông Nguyễn Đăng H có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu: Không chấp nhận toàn bộ nội dung của bản án, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm huỷ hoặc sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- **Tại phiên tòa phúc thẩm:** Các bên đương sự không cung cấp thêm các tài liệu, chứng cứ gì mới và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và ông T còn khai nhận thêm là giấy mượn tiền được anh H viết tại nhà riêng của mình, cho nên việc anh H cho rằng bị ông đe dọa viết là hoàn toàn không có căn cứ.

- *Ý kiến phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình:*

+ Về tố tụng: Trong quá trình tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm; Buộc đương sự phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Xét thấy đơn kháng cáo của bị đơn đảm bảo đầy đủ về nội dung, hình thức và được làm trong thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự, cho nên được chấp nhận để xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ các tài liệu, chứng cứ do các bên đương sự cung cấp thể hiện từ năm 2017 đến năm 2021, anh H đã nhiều lần mua vật liệu xây dựng tại cửa hàng ông T và đã thanh toán một phần tiền mua hàng, còn số tiền mua hàng chưa thanh toán thì các bên đã tiến hành đối chiếu công nợ và anh H đã viết giấy mượn tiền vào ngày 01/5/2021 để xác nhận đang còn nợ ông T với tổng số tiền 134.000.000 và anh H cam kết đến ngày 30/10/2021 sẽ trả đủ ông T toàn bộ số tiền (BL:03). Nhưng đến thời hạn trả nợ, anh H không thực hiện nghĩa vụ như đã cam kết và chỉ mới trả được cho ông T số tiền 40.000.000 đồng vào ngày 30/6/2022.

[2.2] Đối với giấy mượn tiền đề ngày 01/5/2021 do anh H ký xác nhận thực chất là số tiền anh H mua hàng của ông T chưa trả, cho nên các bên đã thỏa thuận viết giấy mượn tiền để làm căn cứ xác nhận nghĩa vụ trả nợ. Xét thấy tại thời điểm các bên xác lập giấy mượn tiền thì các bên tham gia ký kết đều đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự, tự nguyện tự thỏa thuận ký kết và không có dấu hiệu bị lừa dối hoặc ép buộc; nội dung thỏa thuận không trái đạo đức xã hội và không bị pháp luật nghiêm cấm cho nên buộc các bên phải có nghĩa vụ thực hiện

[2.3] Xét kháng cáo của anh H cho rằng toàn bộ số tiền anh đã ký tại giấy mượn tiền của ông T vào ngày 01/5/2021 thực chất là khoản nợ của Công ty TNHH S1 do ông làm đại diện theo pháp luật để mua vật liệu tại cửa hàng của ông T, nhưng do Công ty làm ăn thua lỗ nên anh thay mặt Công ty để ký chốt khoản nợ còn lại của Công ty chưa trả tính đến 20/9/2017 là 71.500.000 đồng và ngày 04/02/2019 đã trả 30.000.000 đồng; ngày 30/6/2022 trả tiếp 40.000.000 và hiện nay chỉ còn nợ 1.500.000 đồng. Nhưng theo các tài liệu do các bên cung cấp chỉ thể hiện kể từ sau ngày 01/5/2021, anh H chỉ mới trả được 40.000.000 cho ông T vào ngày 30/6/2022, ngoài ra anh T không cung cấp được chứng cứ để chứng minh đã trả thêm số tiền 30.000.000 đồng cho ông T vào ngày 04/02/2019 như đã trình bày.

Mặt khác, tại các giấy nhận nợ, chốt nợ về việc mua bán hàng hóa giữa các bên từ năm 2017 đến năm 2021 không có nội dung nào thể hiện Công ty S1 mua vật liệu tại cửa hàng ông T, mà chỉ thể hiện chữ ký cá nhân của anh H và không có đóng dấu của Công ty, cho nên ý kiến của anh H cho rằng đây là khoản nợ của Công ty chứ không phải khoản nợ cá nhân là không có căn cứ. Đối với giấy mượn tiền lập ngày 01/5/2021 thì anh H cho rằng bị ông T đe dọa sẽ thuê xã hội đen tạt axit, đánh đập nên buộc anh phải ký giấy mượn tiền thì anh H cũng không có bất cứ tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho sự việc bị ông T đe dọa ép buộc viết giấy mượn tiền.

[3] Từ những căn cứ nêu trên, thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn theo giấy mượn tiền được lập vào ngày 01/5/2021 giữa các bên là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới, cho nên đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Đăng H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Đăng H giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 04/2024/DS-ST ngày 28/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Căn cứ các khoản 3 Điều 26, Điểm b khoản 1 Điều 38, Điều 39, 147, 148 Bộ Luật tố tụng dân sự; các Điều 430, 431, 432, 433, 434, 440 và Điều 468 Bộ Luật dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Xuân T.**

Buộc bị đơn ông Nguyễn Đăng H phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông Phạm Xuân T số tiền 94.000.000 đồng (chín mươi bốn triệu đồng).

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.*

**2. Về án phí:**

- Buộc ông Nguyễn Đăng H phải chịu 4.700.000 đồng (*bốn triệu bảy trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm để nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc ông Nguyễn Đăng H phải chịu án 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0004355 ngày 12/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình (*Xác nhận đương sự đã nộp đủ án phí phúc thẩm*).

**3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.**

**4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (20/8/2024).**

*Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- TAND huyện Lệ Thủy;
- Chi cục THADS huyện Lệ Thủy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*Đã ký*

**Trần Trung Thành**